

**2. Nguyễn Chí T**, tên gọi khác: L, sinh ngày 26/10/1992, nơi ĐKKHKT: tỉnh Quảng Bình; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Nguyễn Chí C và bà Nguyễn Thị T, vợ là Ngô Thị Tú L, có một con sinh năm 2019; tiền án, tiền án: không; bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình từ ngày 16/6/2020 đến nay. Có mặt.

**3. Võ Văn N**, tên gọi khác: C, sinh ngày 21/9/1997, nơi ĐKHKTT: tỉnh Quảng Bình; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Võ Văn C và bà Nguyễn Thị Bích H (đã chết), chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình từ ngày 16/6/2020 đến nay. Có mặt.

**4. Nguyễn Thanh T1**, tên gọi khác: Bi, sinh ngày 01/6/1997, nơi ĐKHKTT: tỉnh Quảng Bình; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Không có; con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Dương Thị N; vợ con chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Bị Công an huyện Bố Trạch ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 64/QĐ ngày 23/5/2016 vì có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo chưa chấp hành; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

**5. Nguyễn Bá Đ**, sinh ngày 03/3/1995, nơi ĐKHKTT: tỉnh Quảng Bình; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: không có; con ông Nguyễn Bá Đ (đã chết) và bà Hồ Thị L; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

**6. Nguyễn C**, sinh ngày 26/6/2002, nơi ĐKHKTT: tỉnh Quảng Bình; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: không có; con ông Nguyễn C và bà Phạm Thị H; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

**7. Nguyễn Bá T2**, sinh ngày 25/9/1984, nơi ĐKHKTT: tỉnh Quảng Bình; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Thanh M (đã chết) và bà Đỗ Thị G; vợ là Hồ Thị Thanh N; có hai con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Bị hại:

1. Phan Hoàng T3, sinh năm 1988; nơi cư trú: tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

2. Nguyễn C, sinh năm 2002; nơi cư trú: tỉnh Quảng Bình (đồng thời là bị cáo trong vụ án). Có mặt.

3. Nguyễn Văn H, sinh năm 1997; nơi cư trú: tỉnh Quảng Bình (đồng thời là bị cáo trong vụ án). Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào khoảng 21 giờ ngày 11/6/2020, trong quá trình ăn nhậu tại xã L, huyện B, tỉnh Quảng B, Nguyễn Thanh T1 xảy ra mâu thuẫn với Nguyễn Văn H, để giải quyết mâu thuẫn, T1 và H hẹn nhau đến cầu N thuộc xã N, huyện B để giải quyết bằng cách đánh nhau.

Nguyễn Thanh T1 rủ Lương Văn B, Nguyễn C và Nguyễn Lương K, K gọi thêm Nguyễn Bá Đ, Phan Hoàng T, Trần Ngọc L, Bùi Đức T, Nguyễn H và Nguyễn Minh P, tất cả đều trú tại xã N và T. Nguyễn Bá Đ chở Phan Hoàng T, trên đường đi Đ vào nhà của mình lấy một cây dao đang để ở gần hàng rào mang theo; Nguyễn Thanh T1 đi cùng Nguyễn C và Lương Văn B. Trên đường đi T1 vào nhà lấy một thanh kiếm đưa cho C cầm, Lương Văn B cầm một cây mía tươi, T1 cầm một gậy gỗ bằng cây bạch đàn.

Nguyễn Văn H gọi điện cho Võ Văn N, Nguyễn Chí T và Nguyễn Khắc H2; H nhờ N và T về nhà H lấy một khẩu súng đưa đến cho H.

Đến khoảng 22h30', ngày 11/6/2020 nhóm của Nguyễn Thanh T1 đến trước, T1 và C ngồi ở giữa cầu N để đợi H; còn K, B cùng một số thanh niên do K gọi trước đó đi xuống dưới cầu gây để vòng lên cầu bê tông hướng thôn Đ. Khoảng 5 phút sau, N và T đến gặp nhau tại đầu cầu phía thôn Đ, N đưa súng cùng một túi đựng đạn cho T, T lắp đạn vào súng, lên đạn, sau khi lên đạn xong, T đưa súng và số đạn thừa lại cho N và bảo N đứng đợi, còn T chạy qua trên cầu bê tông để xem tình hình. Đợi lâu không thấy T quay lại, N điều khiển xe mô tô đến gần giữa cầu, thì thấy T chạy bộ đến và lấy súng từ N rồi tiếp tục chạy bộ sang phía đầu cầu thôn Sao Sa. Sau khi T đi, nhóm của T1 từ dưới cầu gây đi lên, thấy N đang ngồi trên xe, K đến hỏi chuyện biết N là người quen nên K bảo N ngồi yên không được đánh nhau, rồi K bỏ đi về phía thôn Sao Sa, K đi được một đoạn thì Đ đến, dùng dao khống chế N, không cho N tham gia đánh nhau. Lúc này, H đến, gặp T ở đầu cầu phía thôn Sao Sa, T đưa súng cho H và nói "Súng đã có đạn rồi". H cầm súng trên tay, tiến lên vài bước, thấy phía gần giữa cầu có một nhóm thanh niên đang khống chế N, H chủ động bắn 01 phát đạn, hướng nòng súng hơi chách về bên tay trái của H, phát đạn trúng vào thành cầu, đổi hướng và trúng vào ngực của T, bị trúng đạn, T hét to "Anh bị trúng đạn rồi", nghe vậy C cầm kiếm, B cầm cây mía, T1 cầm gậy gỗ xông về phía H. Khi nhóm này đang chạy đến, cách khoảng 7m thì H tiếp tục lên đạn và bắn tiếp một phát đạn nữa, trúng vào ngón tay út và áp út tay trái của C. Lúc này, K đã đến gần nhận biết được H là người quen nên K giằng co súng với H, không cho H tiếp tục bắn; đang giằng co, thì T chạy đến giật lấy súng. Trong lúc đó, T1 chạy đến chỗ H cầm gậy gỗ đánh trúng người H 02 gậy, đánh xong T1 lùi ra; C lao vào, tay phải cầm kiếm chém 05 nhát trúng vào lưng của H. C sau khi chém xong vì mệt do mất máu do trúng đạn nên ngồi xuống. Thấy T bị trúng đạn, Đ diu T ngồi xuống phía thành cầu rồi cầm dao chạy đến chỗ H, mặc dù K can ngăn "không được đánh nữa", nhưng vì H bắn trúng đạn vào T là bạn của mình, nên Đ tức giận và chém 03 nhát vào phần đầu và lưng của H. B cầm cây mía tươi xông đến để đánh nhưng trong lúc lộn xộn đã bị đánh trúng mặt, nên B lùi lại không đánh nữa. Thấy H bị nhiều người đánh, K đã khoác vai H và kéo H ra khỏi đám đông, sau đó H bỏ chạy. Thấy nhóm H đã chạy hết, nhóm T1 ra về đồng thời vút hung

khí lại hiện trường, khi nhóm T1 đi qua cách vị trí của T đứng khoảng 70m, T chạy ra bắn 03 phát đạn về hướng nhóm T1 nhưng không trúng ai. Tiếp đến T đưa súng lại cho N, còn T chờ H đi bệnh viện. Đến khoảng 23 giờ 50 phút, N gọi điện cho Nguyễn Văn T ở thôn Sao Sa, xã N, nhờ cất giấu súng và được T đồng ý. N cầm súng đến nhà và đưa T cất giấu. Sau đó, T mang khẩu súng cất giấu tại vườn tre phía sau nhà, sát sông Dinh thuộc xã N. Sáng ngày 12/6/2020, nghe tin lực lượng Công an đang điều tra về vụ việc liên quan đến Nguyễn Văn H, lúc này Nguyễn Văn T đang hút cát trên sông Dinh nên gọi điện cho Nguyễn Bá T2 (là chú ruột của H) nhờ T2 đến địa điểm mà T cất súng, lấy để giao nộp cho Công an. Vì sợ H bị nặng tội, nên T2 đã mang khẩu súng trên ném xuống sông Dinh. Cơ quan điều tra đã thực hiện nhiều biện pháp truy tìm nhưng không thu giữ được.

**\* Hậu quả:**

- H đã dùng súng bắn 02 phát làm cho Phan Hoàng T bị trúng 01 (một) phát đạn ở ngực, Nguyễn C trúng 01 (một) phát đạn ở ngón tay út và áp út tay trái. Tại các Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 145,146, kết luận:

+ Thương tích của Phan Hoàng T: Vết thương có dị vật ở tổ chức dưới da thành ngực trước bên trái trái đã được phẫu thuật lấy dị vật, khâu phục hồi vết thương. Vết mổ trùng vết thương cạnh xương ức ngang xương sườn số 4 bên trái chệch xuống xương sườn số 6 bên trái để lại sẹo kích thước 6,5 x 0,5cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại là 02%.

+ Thương tích của Nguyễn C: Ngón V bàn tay trái: gãy hở đốt 1 có dị vật mảnh kim khí đã được phẫu thuật lấy dị vật kim khí, kết hợp xương bằng đinh; 02 sẹo vết thương mặt trước liên đốt 1, 2 kích thước 1x0,1cm và 1,3 x 0,1cm; sẹo vết thương mặt mu liên đốt 1, 2 kích thước 1,4 x 0,1cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể ngón V bàn tay trái gây nên là: 06%, tỷ lệ tổn thương cơ thể đốt 1 ngón IV bàn tay trái là: 01%. Tổng thương tích là 07%.

- Nguyễn Thanh T1, Nguyễn C và Nguyễn Bá Đ đã dùng gậy gỗ, kiếm và dao, gây thương tích cho Nguyễn Văn H ở đầu, lưng và mặt.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 117, ngày 06/8/2020 của T tâm giám định Y khoa - Pháp y tỉnh Quảng B, kết luận:

Vết thương trên đỉnh phải để lại sẹo kích thước 5x0,3cm, tỷ lệ tổn thương là: 02%; Vết thương cằm cổ sau để lại sẹo dọc kích thước 8,5x0,6cm, tỷ lệ tổn thương là: 06%; Vết thương lưng trái cạnh cột sống từ D1 đến D4 để lại sẹo kích thước 7,5x0,2cm, tỷ lệ tổn thương là: 02%; 05 vết thương lưng phải để lại sẹo từ trên xuống, tỷ lệ thương tích mỗi vết là 02%; Vết thương mũi – má phải, tỷ lệ thương tích là 03%.

Căn cứ kết quả khám nghiệm hiện trường, kết quả thực nghiệm điều tra phù hợp với cơ chế hình thành dấu vết trên cơ thể của các bị hại từ hung khí mà các bị can sử dụng, có căn cứ xác định:

- Các vết thương của Nguyễn C và Phan Hoàng T là do Nguyễn Văn H dùng súng gây nên.

- 05 vết thương lưng phải để lại sẹo từ trên xuống, trên cơ thể của Nguyễn Văn H, tỷ lệ thương tích mỗi vết là 02%; tổng tỷ lệ tổn thương là 10% là do Nguyễn C dùng kiếm gây nên.

- 03 vết thương trên cơ thể của Nguyễn Văn H gồm: Vết thương trên đỉnh phải để lại sẹo kích thước 5x0,3cm, tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 02%; Vết thương cằm cổ sau để lại sẹo dọc kích thước 8,5x0,6cm, tỷ lệ tổn thương là: 06%; Vết thương lưng trái cạnh cột sống từ D1 đến D4 để lại sẹo kích thước 7,5x0,2cm, tỷ lệ tổn thương là: 02%. Tổng tỷ lệ tổn thương 10% là do Nguyễn Bá Đ dùng dao gây nên.

**\*Về vật chứng:** Trong quá trình điều tra thu thập được:

- 01 túi vải màu xanh rêu kích thước 25x9cm; 01 lọ nhựa màu trắng, kích thước 9x2,4cm, đựng dung dịch nhờn; 01 bàn chải bằng nhựa màu xanh, dài 7,2cm, có long chổi ở hai đầu; 02 chổi bằng kim loại dài 8,6cm, hai đầu có long chổi; 02 vòng kim loại màu đen, kích thước 6,2x4x7cm, trên vòng có ký hiệu “T”; 01 vòng nhựa cứng màu đen; 01 que kim loại màu đồng, dài 45 x 0,4cm, một đầu được gắn với tay nắm nhựa màu đen; 01 que kim loại màu đồng, dài 13x0,4cm, một đầu được gắn lông chổi màu tím; 01 vỏ hộp caton, kích thước 50x12x11cm.

Toàn bộ những đồ vật trên, là dụng cụ dùng để lau chùi, vệ sinh khẩu súng mà bị cáo Nguyễn Văn H sử dụng gây án vào ngày 11/6/2020 tại cầu N, thuộc xã N, huyện B.

- 01 đồ vật hình dạng súng, có chiều dài 102cm, phần ốp lót dưới và báng làm bằng gỗ dài 61cm, được thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Văn H. Kết quả giám định: Thời điểm giám định súng trong tình trạng không sử dụng được, các bộ phận tách rời, không có bộ phận cò súng. Xét đồ vật trên không liên quan đến vụ án và đến hành vi phạm tội khác, không có khả năng tái tạo.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter GP màu sơn xanh trắng, biển kiểm soát 73E1 - 03097 của Nguyễn Văn H; 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, số IMEL: 357217091707447, số máy: NT9G2VN/A (của Nguyễn Văn H).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu đỏ đen, biển kiểm soát 73F1 – 43391 của Nguyễn Chí T; 01 Giấy đăng ký xe mô tô, mang tên Nguyễn Chí T; 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 112 màu xanh, IMEL1: 865950048963896; IMEL2: 8650048963888 (của Nguyễn Chí T)

- 01 thanh kiếm bằng kim loại, dài 93cm, cán dài 29,5cm đường kính 3cm, lưỡi dài 63,5cm, vị trí rộng nhất 3,5cm, mũi nhọn (Thanh kiếm của Nguyễn Thanh T1 đưa cho Nguyễn C sử dụng gây thương tích cho Nguyễn Văn H); 02 đoạn đuôi gỗ; 02 (hai) đoạn cây mía; 01 hòn đá kích thước 8,7 x 7,1cm thu giữ tại hiện trường, không liên quan đến vụ án; 06

vỏ đạn bằng kim loại màu vàng, dài 1,5cm, đường kính 0,5cm, mỗi viên có ký hiệu “E”, là các vỏ đạn do Nguyễn Văn H và Nguyễn Chí T bắn tại hiện trường; 01 mảnh kim loại màu bạc dạng lép, kích thước 1x0,8cm; là đầu đạn do Nguyễn Văn H bắn trúng Phan Hoàng T, được phát hiện găm trên ngực của Phan Hoàng T.

**\*Phần dân sự:** Quá trình điều tra, Gia đình bị can Nguyễn Văn H tự nguyện nộp số tiền 5.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị hại Phan Hoàng T và Nguyễn C; Các bị can Nguyễn Bá Đ, Nguyễn C, Nguyễn Thanh T1 tự nguyện nộp mỗi người 3.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho Nguyễn Văn H.

**Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2021/HS-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng B đã quyết định:**

Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Chí T và Võ Văn N phạm tội “*Giết người*”; các bị cáo Nguyễn Bá Đ, Nguyễn Thanh T1 và Nguyễn C phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”; bị cáo Nguyễn Bá T2 phạm tội “*Che giấu tội phạm*”.

Áp dụng khoản 2 Điều 123; Điều 15; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, *phạt bị cáo Nguyễn Văn H 04 năm tù*, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo H bị bắt tạm giữ, tạm giam (16/6/2020).

Áp dụng khoản 2 Điều 123; Điều 15; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54; khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, *phạt bị cáo Nguyễn Chí T 03 năm tù*, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo T bị bắt tạm giữ, tạm giam (16/6/2020).

Áp dụng khoản 2 Điều 123; Điều 15; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54; khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, *phạt bị cáo Võ Văn N 03 năm tù*, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo N bị bắt tạm giữ, tạm giam (16/6/2020).

Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục tạm giam các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Chí T, Võ Văn N thời hạn 45 ngày để đảm bảo cho việc thi hành án (có Quyết định tạm giam riêng).

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s, b khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, *phạt bị cáo Nguyễn Thanh T1 18 tháng tù*, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo T1 đi thi hành án.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s, b khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, *phạt bị cáo Nguyễn Bá Đ 15 tháng tù*, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo Đ đi thi hành án.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s, b khoản 1 Điều 51; Điều 54 và Điều 91 Bộ luật Hình sự, *phạt bị cáo Nguyễn C 09 tháng tù*, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo C đi thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36

Bộ luật Hình sự, *phạt bị cáo Nguyễn Bá T2 24 tháng cải tạo không giam giữ*. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Nguyễn Bá T2 tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Quảng B nhận được Quyết định thi hành án và Bản án có hiệu lực của Tòa án.

*Giao bị cáo Nguyễn Bá T2 cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Quảng B giám sát, giáo dục trong thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Nguyễn Bá T2 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã N trong việc giám sát, giáo dục bị cáo T2.*

*Trong thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo Nguyễn Bá T2 phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ.*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về bồi thường dân sự, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04 tháng 5 năm 2021, các bị cáo Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Bá Đ, Nguyễn C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt được cải tạo không giam giữ hoặc hưởng án treo.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng B ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 33/QĐKN-VKS-P2 kháng nghị bản án hình sự sơ thẩm về việc áp dụng khung hình phạt đã xét xử đối với các bị cáo Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Bá Đ, Nguyễn C về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự; phần hình phạt đã tuyên đối với Nguyễn Văn H, Võ Văn N, Nguyễn Chí T và Nguyễn Bá T2; phần hình phạt tù có thời hạn đối với 03 bị cáo T1, Đ, C. Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm theo hướng: Xét xử 03 bị cáo T1, Đ, C về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự; cho bị cáo Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Bá Đ được hưởng án treo; bị cáo Nguyễn C cải tạo không giam giữ; tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Võ Văn N, Nguyễn Chí T và Nguyễn Bá T2.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:**

Các bị cáo Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Bá Đ và Nguyễn C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt được cải tạo không giam giữ hoặc hưởng án treo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút toàn bộ quyết định kháng nghị nêu trên.

*Ý kiến của bị cáo Nguyễn Thanh T1:* Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo có cung cấp thêm cho Hội đồng xét xử một số tình tiết giảm nhẹ mới như: Giấy xác nhận có công tổ giác nhóm đánh bạc, được Công an Thị trấn Việt T xác nhận; ông bà Ngoại là người có công cách mạng, được Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng nhất; đã

chấp hành xong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

*Ý kiến của bị cáo Nguyễn Bá Đ:* Bị cáo có cung cấp thêm cho Hội đồng xét xử một số tình tiết giảm nhẹ mới như: Giấy xác nhận ông Ngoại là người có công với cách mạng, được Hội đồng Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến Hạng III; Mẹ của bị cáo có Đơn xin xác nhận bố mới vừa mất, bị cáo là lao động chính và duy nhất trong gia đình, được xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

*Ý kiến của bị cáo Nguyễn C:* Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có lần nào vi phạm qui định pháp luật, có nơi cư trú rõ ràng, khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức chưa tới; bị cáo cũng vừa là bị hại trong vụ án do hành vi trái pháp luật của bị cáo H dùng súng bắn trúng vào tay của bị cáo trước. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

*Ý kiến của bị cáo Nguyễn Văn H, Võ Văn N, Nguyễn Chí T và Nguyễn Bá T2:* Các bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái của mình, thật sự ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên mức hình phạt đối với các bị cáo.

*Ý kiến Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:*

Đối với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng B cho rằng hành vi của Đ và C hoàn toàn độc lập với nhau, nguyên nhân, mục đích phạm tội khác nhau, Đ chém H là do tức giận việc H đã bắn vào T là bạn của Đ. C chém H trước và không thể biết Đ có chém H hay không; Đ chém H không biết C đã chém hay chưa. Vì vậy, hậu quả của Đ thì C không chịu trách nhiệm, hậu quả của C thì Đ không chịu trách nhiệm. Còn T1 do lấy dao đưa cho C nên T1 phải chịu hậu quả của C gây ra; Đ không phải do T1 gọi đến, khi Đ chém H ngoài tầm kiểm soát của T1 nên hậu quả của Đ gây ra thì T1 không chịu trách nhiệm. Vì vậy, không thể đánh đồng hậu quả tổng thương tích của H để truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh T1, Nguyễn C và Nguyễn Bá Đ theo khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Đồng thời, xét thấy mức hình phạt của các bị cáo trong vụ án là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút toàn bộ nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng B, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; do đó, Hội

đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 21 giờ ngày 11/6/2020, vì mâu thuẫn cá nhân giữa Nguyễn Thanh T1 và Nguyễn Văn H, nên T1 và H đã hẹn nhau đến cầu N thuộc xã N, huyện B để giải quyết mâu thuẫn bằng cách đánh nhau.

[2] Nguyễn Thanh T1 rủ Lương Văn B, Nguyễn C và Nguyễn Lương K, K gọi thêm Nguyễn Bá Đ, Phan Hoàng T, Trần Ngọc L, Bùi Đức T, Nguyễn H và Nguyễn Minh P, tất cả đều trú tại xã N và T. Nguyễn Bá Đ chở Phan Hoàng T, trên đường đi Đ vào nhà của mình lấy một cây dao mang theo; Nguyễn Thanh T1 đi cùng Nguyễn C và Lương Văn B. Trên đường đi T1 vào nhà lấy một thanh kiếm đưa cho C cầm, Lương Văn B cầm một cây mía tươi, T1 cầm một gậy gỗ bằng cây bạch đàn.

[3] Nguyễn Văn H gọi cho Võ Văn N, Nguyễn Chí T và Nguyễn Khắc H2. H nhờ N và T về nhà của H lấy khẩu súng đưa đến cho H. N đã chạy về nhà Nguyễn Văn H lấy súng và một túi đạn đưa đến cho T, T lắp đạn vào súng rồi đưa cho H và bảo “súng đã có đạn rồi”.

[4] Lúc hai nhóm gặp nhau tại cầu N thì Đ đã dùng dao không chế N, không cho N tham gia đánh nhau. Lúc này H đã dùng súng bắn một phát trúng vào ngực của T, khi biết T trúng đạn thì C cầm kiếm, B cầm cây mía, T1 cầm cây gỗ xông vào chỗ H để đánh H. Khi thấy nhóm của T1 xông vào thì H lên đạn và bắn tiếp một phát trúng vào ngón tay út và áp út tay trái của C. Lúc này K nhận ra H là người quen nên đã đến can H không cho bắn nữa còn T đến giật súng từ tay H cầm đi chỗ khác. Cùng lúc đó thì T1 chạy đến cầm cây gỗ đánh trúng người H 02 cây; C lao vào dùng kiếm chém vào người H 05 nhát (trúng vào phần lưng); Đ cầm dao xông vào chém 03 nhát vào vùng đầu của H. Thấy H bị nhiều người đánh nên K đã khoác vai H đưa ra khỏi đám đông, sau đó H bỏ chạy. Hậu quả: Phan Hoàng T3 bị H bắn trúng một phát đạn ở ngực, tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại là 02 %; Nguyễn C bị H bắn trúng một phát đạn ở ngón tay út và áp út bàn tay trái, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 07%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do các thương tích gây nên đối với Nguyễn Văn H là 20%. Trong đó cơ quan điều tra xác định được Nguyễn C đã dùng kiếm chém H 05 nhát vào vùng lưng, tỷ lệ thương tích mỗi vết thương là 02%, tổng tỷ lệ tổn thương là 10%; Nguyễn Bá Đ dùng dao chém vào H 03 nhát gây ra vết thương trên đỉnh phải tỷ lệ tổn thương cơ thể là 02 %, vết thương cằm cổ sau tỷ lệ tổn thương là 06% và vết thương lưng trái cạnh cột sống từ D1 đến D4, tỷ lệ tổn thương là 02%, tổng tỷ lệ tổn thương gây ra cho H là 10%. Đối với vết thương mũi - má phải, theo cơ quan điều tra xác định là do H thiếu quan sát nên bị cành cây trên đường quét trúng khi đang trên đường đến chỗ đánh nhau.

[5] Về tội danh: các bị cáo Nguyễn Văn H, Võ Văn N, Nguyễn Chí T bị truy tố và xét xử về tội “*Giết người*”; các bị cáo Nguyễn Thanh T1, Nguyễn C và Nguyễn Bá Đ bị truy tố và xét xử về tội “*Cố ý gây thương tích*”; bị cáo Nguyễn Bá T2 bị truy tố và xét xử về tội “*Che dấu tội phạm*” nhưng các bị cáo không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị về phần này là đúng người, đúng tội, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về hình phạt: Xét thấy, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị

cáo gây ra: H, N, T về “*Tội giết người*”, T1, C, Đ về “*Tội cố ý gây thương tích*” là nguy hiểm cho xã hội; chỉ vì để giải quyết mâu thuẫn cá nhân mà các bị cáo đã hện nhau sử dụng súng, dao, kiếm, gậy gộc... để bắn, chém, đánh nhau. Hành vi của các bị cáo thể hiện tính coi thường pháp luật, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác và gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Đối với Nguyễn Bá T2, sau khi nghe tin H sử dụng súng bắn người khác bị thương thì T2 đã lấy súng vút xuống sông. Hành vi của T2 đã gây khó khăn cho cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo với mức án nghiêm minh để răn đe, giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[7] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã rút toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng B Hội đồng xét xử không xem xét và đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo: Nguyễn Văn H, Võ Văn N, Nguyễn Chí T và Nguyễn Bá T2.

[8] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Bá Đ, Nguyễn C phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”; Hội đồng xét xử thấy rằng, Toà án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo đã cân nhắc, đánh giá, tính chất, vai trò, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra; đồng thời, cũng đã xem xét và vận dụng các tình tiết nặng nhẹ, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo như: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, các bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả nên được áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt T1 18 tháng tù, Đ 15 tháng tù là phù hợp, tương xứng với tính chất, vai trò, mức độ do hành vi phạm tội của mỗi bị cáo gây ra. Riêng đối với bị cáo C khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi (mới 17 tuổi 11 tháng 15 ngày) Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng chính sách của người chưa thành niên phạm tội theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Hình sự và chính bị cáo cũng là người bị hại do bị H dùng súng bắn trúng vào tay C trước đã xử phạt 09 tháng tù và không cho C được hưởng án treo là có phần nghiêm khắc.

[9] Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, đã phát sinh một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới như: Bị cáo Nguyễn Thanh T1 cung cấp cho Hội đồng xét xử Giấy xác nhận có công tổ giác nhóm đánh bạc cho Công an bắt và xử lý theo qui định pháp luật, được Công an Thị trấn Việt T, huyện B, tỉnh Quảng B xác nhận; ông bà Ngoại là người có công cách mạng, được Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng nhất; đã chấp hành xong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo Nguyễn Bá Đ cung cấp Giấy xác nhận có ông Ngoại là người có công với cách mạng, được Hội đồng Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến Hạng III, Mẹ của Đ là bà Hồ Thị L có Đơn xin xác nhận bố của Đ mới vừa mất, Đ là lao động chính và duy nhất trong gia đình tất cả đều được xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, đây là tình tiết giảm nhẹ được qui định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, đối với bị cáo T1 và Đ đều có 02 tình tiết giảm nhẹ được qui định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; tuy nhiên, T1 có vai trò chính

trong nhóm tội “*Cố ý gây thương tích*” và khi phạm tội chưa chấp hành xong Quyết định xử lý vi phạm hành chính; đối với bị cáo Đ là người thực hiện hành vi phạm tội tích cực nên chỉ xem xét giảm cho 02 bị cáo thêm một phần hình phạt để thấy được sự khoan hồng của pháp luật ăn năn, hối cải, yên tâm cải tạo tốt để sớm hoà nhập với cộng đồng, trở thành người có ích cho xã hội. Đối với bị cáo C có nhân thân tốt, ngoài phạm tội lần này đều chấp hành tốt các qui định pháp luật, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo là thanh niên mới lớn, khi phạm tội là người chưa thành niên nên nhận thức còn hạn chế, nông nổi; bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ được qui tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng; đồng thời bị cáo cũng vừa là bị hại trong vụ án do hành vi trái pháp luật của bị cáo Nguyễn Văn H gây ra. Do đó, không nhất thiết phải bắt bị cáo C chấp hành hình phạt tù cũng có khả năng tự cải tạo tốt và cũng không gây nguy hại cho xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

[10] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, ý kiến của Kiểm sát viên không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm theo hướng như đã nhận định trên.

[11] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Bá Đ và Nguyễn C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b, đ khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Võ Văn N, Nguyễn Chí T về tội “*Giết người*” và Nguyễn Bá T2 về tội “*Che dấu tội phạm*”.

2. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Bá Đ, Nguyễn C; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2021/HS-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng B. Tuyên xử:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Nguyễn Thanh T1 12 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo T1 đi thi hành án.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Nguyễn Bá Đ 09 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo Đ đi thi hành án.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 65 và Điều 91 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Nguyễn C 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 15 – 11 - 2021).

Giao bị cáo Nguyễn C cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Quảng B giám sát giáo dục, trong thời gian thử thách án treo, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách mà bị cáo Nguyễn C thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách mà bị cáo Nguyễn C cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Bá Đ và Nguyễn C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng B;
- Công an tỉnh Quảng B;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng B;
- Cục THADS tỉnh Quảng B;
- UBND xã T;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, Phòng HCTP, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Võ Ngọc Thông**